

SỞ GD VÀ ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /QĐ-LQĐ

Bình Sơn, ngày 10 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2024 của trường THPT Lê Quý Đôn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 4481/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2023 của Giám đốc Sở GD và ĐT Quảng Ngãi về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ quyết định số 2269/QĐ-SGDĐT ngày 07/10/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc thu hồi kinh phí thực hiện tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ quyết định số 3295/QĐ-SGDĐT ngày 11/11/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (điều chỉnh kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương năm 2024 để phù hợp số lượng người làm việc do NSNN đảm bảo chi thường xuyên tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GD và ĐT Quảng Ngãi);

Căn cứ quyết định số 3306/QĐ-SGDĐT ngày 13/11/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền);

Căn cứ quyết định số 3311/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc giao kinh phí để chi trả tiền lương tăng thêm do điều chỉnh mức lương cơ sở đối với công chức, viên chức của văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc Sở GD và ĐT Quảng Ngãi;



Căn cứ quyết định số 3399/QĐ-SGDĐT ngày 22/11/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc điều chỉnh giảm dự toán chi NSNN năm 2024 (kinh phí thực hiện một số chính sách an sinh xã hội năm 2024);

Căn cứ quyết định số 4471/QĐ-SGDĐT ngày 26/12/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2024 (kinh phí thực hiện một số chính sách an sinh xã hội năm 2024);

Căn cứ quyết định số 4474/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi Về việc giao kinh phí để thực hiện chế độ tiền thưởng đối với công chức, viên chức năm 2024;

Căn cứ thuyết minh dự toán thu, chi NSNN năm 2024 của trường THPT Lê Quý Đôn;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán năm 2024

Xét đề nghị của kế toán trường THPT Lê Quý Đôn về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2024 của trường THPT Lê Quý Đôn theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai:

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực;
- Hình thức công khai: đăng tải trên Website đơn vị, niêm yết bản tin phòng hội đồng trường THPT Lê Quý Đôn.
- Địa điểm công khai: Trường THPT Lê Quý Đôn;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ trưởng tổ hành chính, kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD và ĐT (b/cáo)
- HT, P.HT
- Thông báo ở bản tin phòng HĐ;
- Websibe trường
- Lưu :VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Chấn Thi



TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sửa dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số 15 /QĐ-LQĐ ngày 10 / 02/2025 của Hiệu trưởng trường THPT Lê Quý Đôn)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	772.000.000	1.142.717.975	148,0	
1	Học phí	772.000.000	1.142.717.975	148,0	
2	Lệ phí				
3	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	772.000.000	1.342.771.155	173,9	
1	Chi sự nghiệp	772.000.000	1.342.771.155	173,9	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	772.000.000	1.342.771.155	173,9	
6000	Tiền lương, phụ cấp lương (CCTL)	308.800.000	593.470.807	192,2	
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	205.800.000	176.778.600	85,9	
6250	Phúc lợi tập thể		4.795.200		
6300	Các khoản đóng góp	48.363.000	95.906.781	198,3	
6500	Dịch vụ công cộng	-			
6550	Vật tư văn phòng	20.000.000	63.250.728	316,3	
6600	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	1.100.000	662.475	60,2	
			7.800.000		
6700	Công tác phí	12.000.000	16.580.000	138,2	
6750	Chi phí thuê mượn	101.000.000	61.870.000	61,3	
6900	Sửa chữa thường xuyên	60.000.000	186.329.620	310,5	
6950	Mua sắm TSCĐ hữu hình		23.400.000		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
7000	Nghiệp vụ chuyên môn	10.000.000	85.201.700	852,0	
7750	Chi khác	4.937.000	25.915.244	524,9	
7850	Chi công tác Đảng	-	810.000	-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.606.305.000	18.296.170.631	98,3	
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.606.305.000	18.296.170.631	98,3	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18.606.305.000	18.296.170.631	98,3	-
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.304.000.000	17.195.000.000	99,4	
6000	Tiền lương	8.477.277.820	8.336.385.379	98,3	
6100	Phụ cấp lương	4.402.406.647	4.485.019.692	101,9	
6200	Khen thưởng	43.740.000	80.262.000	183,5	
6250	Phúc lợi tập thể	38.400.000	18.895.000	49,2	
6300	Các khoản đóng góp	2.225.395.533	2.423.878.395	108,9	
6400	Các khoản thanh toán cho cá nhân	-	254.661.692		
6500	Dịch vụ công cộng	156.000.000	122.115.123	78,3	
6550	Vật tư văn phòng	62.600.000	34.394.000	54,9	
6600	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	28.800.000	18.451.156	64,1	
6650	Hội nghị	-	5.000.000		
6700	Công tác phí	200.000.000	269.436.908	134,7	
6750	Chi phí thuê mướn	110.000.000	94.250.000	85,7	
6900	Sửa chữa thường xuyên	150.000.000	266.208.000	177,5	
7000	Nghiệp vụ chuyên môn	1.126.176.000	628.958.746	55,8	
6950	Mua sắm TSCĐ hữu hình	225.000.000	103.100.000	45,8	
7750	Chi khác	32.284.000	18.613.909	57,7	
7850	Chi công tác Đảng	25.920.000	35.370.000	136,5	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.302.305.000	1.101.170.631	84,56	
6150	Miễn giảm học phí và HTCPTH theo NĐ 81/2021	57.305.000	57.305.000	100,0	
6150	Chế độ học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2013	7.200.000	7.200.000	100,0	
6100	Phụ cấp dạy học sinh khuyết tật theo NĐ 28/2012	142.800.000	128.439.634	89,9	
6900	Kinh phí cải tạo, nâng cấp sửa chữa CSVC	600.000.000	413.226.000	69	
6201	Kinh phí tiền thưởng	495.000.000	494.999.997	100	

